

KẾ HOẠCH

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập thuộc UBND huyện năm 2019

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ - CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT - BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non; Thông tư số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Thông tư số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập; Thông tư số 29/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông,

Căn cứ Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học,

Xét nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc UBND huyện. UBND huyện ban hành kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên các đơn vị sự nghiệp công lập huyện Đắk Song năm 2019, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm đánh giá, lựa chọn giáo viên có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm;

Có kế hoạch quản lý, sử dụng, thực hiện các quyền lợi cho đội ngũ giáo viên; khắc phục những bất hợp lý về cơ cấu chức danh nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS công lập thuộc huyện và phù hợp với quy định hiện hành về quản lý giáo viên.

Khuyến khích đội ngũ giáo viên tự giác học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Yêu cầu

Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các cơ sở giáo dục công lập và tình hình thực tế của địa phương. Đảm bảo đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp thăng hạng.

Giáo viên được tham dự xét thăng hạng từ hạng thấp lên hạng cao hơn liền kề cùng chức danh nghề nghiệp đang giữ.

Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng xét thăng hạng

Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (*sau đây gọi chung là giáo viên*) đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS công lập thuộc UBND huyện, trong biên chế đã được xếp hạng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét thăng hạng

2.1. Điều kiện

Giáo viên dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét và được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền (Của Đảng, Chính quyền, các đoàn thể chính trị xã hội).

2.2. Tiêu chuẩn đăng ký xét thăng hạng

2.2.1. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo) hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên mầm non hạng III (Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III);

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;

e) Phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

2.2.2. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng III lên hạng II

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ

Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên mầm non hạng II (Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II);

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên;

e) Phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III từ đủ 01 (một) năm và thời gian tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

2.2.3. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng IV lên hạng III

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng III (Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III);

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

e) Phải có thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

2.2.4. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng III lên hạng II

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm tiểu học hoặc đại học sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II (Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II);

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên;

e) Phải có thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

2.2.5. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS từ hạng III lên hạng II

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hạng II (Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II);

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

e) Phải có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc đại học các chuyên ngành khác phù hợp với bộ môn giảng dạy từ đủ 01 (một) năm trở lên.

Lưu ý: Tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDTrX ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, quy định như sau

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C có giá trị sử dụng tương đương chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Các chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A và A1; trình độ B và A2; trình độ C và B1 lần lượt tương đương với bậc 1; bậc 2; bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TTBGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học

a) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học từ hạng IV lên hạng III: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học hạng III của mỗi cấp học.

b) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học từ hạng III lên hạng II: Thông qua việc xét, chấm điểm hồ sơ và sát hạch theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học hạng II của mỗi cấp học.

- Hồ sơ đạt 100 điểm thì được tham gia sát hạch, việc sát hạch được thực hiện thông qua hình thức làm bài khảo sát. Hồ sơ không đạt 100 điểm không được tham gia sát hạch, không đủ điều kiện để tiếp tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

c) Bài khảo sát được thực hiện thông qua làm bài viết hoặc trắc nghiệm; thời lượng làm bài khảo sát không quá 45 phút; nội dung khảo sát liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp (theo từng hạng chức danh của mỗi cấp học).

2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở: từ hạng III lên hạng II: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II.

IV. CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

a) Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;

b) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

c) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm;

(Quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí tại Phụ lục “Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập” kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Điểm tăng thêm:

a) Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc điểm b khoản 2 mục này); có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc điểm c khoản 2 mục này);

b) Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

V. CÁCH TÍNH ĐIỂM SÁT HẠCH

1. Điểm sát hạch chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.

2. Hội đồng xét quy định điểm cụ thể đối với mỗi câu hỏi ở nội dung khảo sát hoặc phỏng vấn.

VI. CÁCH XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định

b) Đối với trường hợp xét hồ sơ: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 2 Mục IV của Kế hoạch này.

Đối với trường hợp xét hồ sơ và sát hạch: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ 100 điểm trở lên (trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 2 Mục IV của Kế hoạch này) và điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10 điểm.

2. Giáo viên không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp quy định tại Khoản 1 Mục này không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

VII. TRƯỜNG HỢP MIỄN XÉT TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC

1. Giáo viên tính đến ngày 31/12/2019 có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp (Đối với những trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm).

2. Trường hợp giáo viên thuộc khoản a mục này có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

VIII. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của giáo viên theo mẫu do phòng Nội vụ phát hành, gồm:

- a) Công văn cử dự xét thăng hạng của cơ quan quản lý
- b) Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (*theo mẫu*).
- c) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý hoặc sử dụng viên chức.
- d) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý; trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm của 03 liên tục gần nhất tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi.
- đ) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.
- e) Các yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng.

f) Các minh chứng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét, bao gồm các minh chứng về: Nhiệm vụ; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và minh chứng về các trường hợp điểm cộng thêm (theo hướng dẫn tại Phụ lục “Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập” kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

g) Hai (02) ảnh 4x6, 2 phong bì dán tem, ghi rõ họ, tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ.

Lưu ý: Toàn bộ hồ sơ xếp theo thứ tự như trên; Hồ sơ dự xét thăng hạng không trả lại.

2. Địa điểm phát hành và thu nhận hồ sơ

Phòng Nội vụ huyện Đắk Song, tổ dân phố 3, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

IX. LỆ PHÍ XÉT THĂNG HẠNG

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 228/2016/TT - BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ huyện

a) Là cơ quan Thường trực của Hội đồng xét thăng hạng giáo viên và tham mưu cho Hội đồng tổ chức thực hiện Kế hoạch này sau khi được Sở Nội vụ tỉnh phê duyệt.

b) Thu nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ đăng ký dự tuyển và chuẩn bị các điều kiện phục vụ kỳ xét thăng hạng.

c) Tổng hợp, thẩm định, trình UBND huyện phê duyệt danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

d) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nội dung xét thăng hạng.

đ) Tham mưu trình UBND huyện:

- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học hạng III; chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, THCS hạng II;

- Báo cáo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp về Sở Nội vụ.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

a) Triển khai kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên đến các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS công lập thuộc UBND huyện.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thăng hạng.

3. Ban Giám hiệu các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập thuộc UBND huyện

a) Niêm yết công khai tại trụ sở của đơn vị mình về các văn bản liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên.

b) Căn cứ vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của đơn vị, tổ chức sơ tuyển, cử giáo viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của giáo viên được cử tham gia xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Hồ sơ xét thăng hạng của giáo viên).

c) Cử công chức, viên chức của đơn vị tham gia các Ban, tổ giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng.

4. Các cơ quan, đơn vị có liên quan: Có trách nhiệm cử cán bộ tham gia vào Hội đồng xét thăng hạng, các Ban, tổ giúp việc tạo điều kiện cho Hội đồng xét thăng hạng thực hiện tốt nhiệm vụ.

Trên đây là Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Đắk Song năm 2019./.

Nơi nhận: 

- Sở Nội vụ tỉnh;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- Các đơn vị sự nghiệp Giáo dục công lập thuộc UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thanh